

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 26-NQ/TW) như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 26-NQ/TW; nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận với quyết tâm cao của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nói chung, tỉnh Nghệ An nói riêng.

2. Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 26-NQ/TW và căn cứ tình hình thực tiễn để cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phát triển của tỉnh, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ theo Nghị quyết số 26-NQ/TW.

3. Quá trình tổ chức thực hiện phải quyết liệt, hiệu quả, bảo đảm toàn diện, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình phù hợp; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; gắn việc triển khai Nghị quyết số 26-NQ/TW với thực hiện hiệu quả nghị quyết đại hội Đảng các cấp, các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương và tỉnh, các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển của tỉnh.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An trên cơ sở vận dụng phù hợp, sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm

thống nhất, đồng bộ với hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành và quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; phát triển tỉnh Nghệ An tương xứng với vai trò, vị trí và tiềm năng, lợi thế của tỉnh đối với vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và cả nước.

- Phát triển kinh tế nhanh, bền vững, chủ yếu dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, hướng tới nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tạo đột phá phát triển ở một số ngành, lĩnh vực, khu vực có lợi thế so sánh. Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính.

- Tổ chức không gian phát triển bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, thúc đẩy quan hệ liên vùng, liên huyện và liên kết giữa các ngành, lĩnh vực. Khai thác và phát huy cao nhất các tiềm năng, thế mạnh từng địa bàn; biến các khó khăn, thách thức thành cơ hội và lợi thế cho phát triển. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi ở khu vực đồng bằng và ven biển để hình thành các động lực tăng trưởng, tác động lan tỏa thúc đẩy kinh tế cả tỉnh phát triển. Đồng thời, có cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển bền vững khu vực miền Tây, thu hẹp dần khoảng cách phát triển.

- Phát triển hài hòa, gắn kết chặt chẽ giữa kinh tế với văn hóa, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Trong đó, lấy phát triển kinh tế là trung tâm; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần và là nguồn lực nội sinh của xã hội gắn với phát huy giá trị văn hóa và con người Nghệ An; bảo vệ môi trường là yêu cầu xuyên suốt; bảo đảm quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

- Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; tăng cường đoàn kết, khơi dậy và phát huy cao độ ý chí, bản lĩnh kiên cường, tinh thần cách mạng, truyền thống văn hóa và khát vọng vươn lên của nhân dân; sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội cho phát triển. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hợp tác liên kết vùng, chủ động hội nhập quốc tế, tạo ra sự hội tụ, lan tỏa và phát triển.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, kinh tế phát triển nhanh và bền vững; là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về thương mại, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; đời sống vật chất và tinh thần của nhân

dân không ngừng được nâng cao; các giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo; văn hóa, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hóa xứ Nghệ được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

3. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

3.1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) giai đoạn 2021 - 2030 đạt bình quân khoảng 10,5 - 11%/năm.
- Cơ cấu GRDP: Nông, lâm, thủy sản chiếm khoảng 13,5 - 14,0%; công nghiệp, xây dựng chiếm khoảng 42 - 42,5%; dịch vụ chiếm khoảng 39 - 39,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 4,5 - 5%.
- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt trên 24%.
- GRDP bình quân đầu người đạt 7.500 - 8.000 USD (giá hiện hành).
- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 24% GRDP của tỉnh.
- Năng suất lao động tăng bình quân 10 - 11%/năm.
- Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 12% năm (khoảng 48.000 - 50.000 tỷ đồng).
- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 1.650 nghìn tỷ đồng.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%.

3.2. Về văn hóa - xã hội

- Tỷ lệ làng, bản, khối phố văn hóa đạt khoảng 78%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa đạt tiêu chí của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đạt khoảng 90%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 80%.
- Tỷ lệ số bác sĩ trên 10.000 dân đạt trên 15 bác sĩ.
- Tỷ lệ số giường bệnh trên 10.000 dân đạt trên 50 giường.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77% (trong đó: có bằng, chứng chỉ 37,8%).
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến cuối năm 2030 còn dưới 3%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 90%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đạt 15%.

3.3. Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 58%.

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: Tại đô thị loại IV trở lên đạt 95 - 98%; tại đô thị loại V đạt 94 - 95%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 60%.
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị đạt 99%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 95%.
- Tỷ lệ khu công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để đạt 100%.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Nghệ An là tỉnh phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, văn minh và hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa xứ Nghệ; là một trong những động lực phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao; các giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo; văn hóa, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hóa xứ Nghệ được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò, mục tiêu và các giải pháp chủ yếu; trách nhiệm của mỗi địa phương để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, bảo đảm sâu sát, quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, có sự kiểm tra, đôn đốc thường xuyên; phát huy tinh thần chủ động, đổi mới sáng tạo, trách nhiệm vì lợi ích chung trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; phát huy dân chủ, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân. Chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động thực hiện nghị quyết.

2. Tập trung xây dựng, triển khai hiệu quả công tác quy hoạch; hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh liên kết phát triển vùng

Tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng, nhất là các địa phương tiểu vùng Bắc Trung Bộ để hoàn thành công tác lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tuân thủ các định hướng của quy hoạch Vùng, hệ thống quy hoạch quốc gia; tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp để phát triển nhanh, bền vững; kết nối liên vùng, liên ngành; có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình hợp lý. Rà soát, nâng cao chất lượng, kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định các loại quy hoạch theo quy định, bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất giữa các quy hoạch. Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh được duyệt, tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngành, địa phương phù hợp để triển khai thực hiện có hiệu quả.

Chủ động, tích cực tham gia có trách nhiệm, hiệu quả các cơ chế điều phối, hợp tác, liên kết phát triển vùng; phối hợp tổ chức không gian phát triển tiểu vùng Bắc Trung Bộ. Phối hợp rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư để tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển các quy hoạch Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh. Tăng cường hợp tác với tỉnh Thanh Hóa trong phát triển khu vực Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, thông qua việc đẩy mạnh hợp tác phát triển giữa khu vực Hoàng Mai, Đông Hồi (Nghệ An) và Khu kinh tế Nghi Sơn (Thanh Hóa), nhất là các lĩnh vực đô thị, dịch vụ, công nghiệp vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, nhiệt điện, cảng biển, khai thác, chế biến thủy hải sản.... Hợp tác với tỉnh Hà Tĩnh trong phát triển khu vực Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh, nhất là lĩnh vực dịch vụ, du lịch và phát triển đô thị. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành phố đưa các thỏa thuận hợp tác đã được ký kết đi vào chiều sâu, phát huy hiệu quả; đồng thời, nghiên cứu mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết phát triển với các địa phương trong và ngoài Vùng.

Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thông thoáng, minh bạch, thân thiện theo hướng cạnh tranh vượt trội để tạo sự đột phá phát triển. Nâng hạng các chỉ số PCI, PAR INDEX, PAPI vào vị trí nhóm đầu của cả nước. Huy động tối đa nguồn lực trong tỉnh, tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 36/2021/QH15, ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An. Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các bộ, ngành Trung ương rà soát, đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù theo hướng huy động tối đa nguồn lực xã hội; đồng thời, tăng hỗ trợ từ ngân sách Trung ương trình Quốc hội ban hành nghị quyết nhằm bảo đảm nguồn lực để thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu phát triển tỉnh Nghệ An.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế biển

Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào khoa học và công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 23/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, trong đó ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao trở thành động lực đối với kinh tế - xã hội của tỉnh (như: công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo và lắp ráp, công nghiệp số, năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ); tiếp tục phát triển và phân bố hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhân dân (dệt may, da giày...). Phân bố không gian công nghiệp hợp lý gắn với các hành lang kinh tế, hình thành các vùng sản xuất công nghiệp, trọng tâm là tại địa bàn Khu kinh tế Đông Nam, khu công nghiệp ngoài khu kinh tế và cụm công nghiệp tại các huyện, thành phố, thị xã.

Đa dạng các loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững, bảo đảm các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đưa Nghệ An trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ của khu vực Bắc Trung Bộ. Phát triển du lịch bền vững theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả; chú trọng phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Phát triển dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics đa dạng, hiện đại, trở thành ngành dịch vụ chủ lực; khai thác có hiệu quả các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển.

Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp hiện đại, xanh, sạch, sinh thái, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc ứng dụng các quy trình, công nghệ mới, thông minh, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Tiếp tục cơ cấu lại nông nghiệp theo các nhóm sản phẩm chủ lực để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và chế biến; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng của sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng, tự nhiên hiện có; phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng; triển khai hiệu quả khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ tại Nghệ An.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển; chú trọng phát huy lợi thế so sánh của tỉnh với các địa phương giáp biển khác của cả nước, nhất là liên kết hợp tác với các địa phương ven biển trong Vùng, tiểu vùng Bắc Trung Bộ; đẩy mạnh hợp tác quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế

biển. Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp ven biển gắn với đầu tư hạ tầng đồng bộ như: Cảng biển nước sâu, Cảng Hàng không quốc tế Vinh, đường ven biển, đường kết nối Vinh - Cửa Lò, các đường trục ngang, các khu công nghiệp ven biển; mở rộng, phát triển Khu Kinh tế Đông Nam trở thành khu vực phát triển năng động, có sức hấp dẫn và cạnh tranh cao, tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư, trở thành động lực tăng trưởng của tỉnh; phát triển du lịch biển và đô thị ven biển trên cơ sở bảo vệ, thực hiện tốt quy hoạch, bảo đảm quỹ đất để phát triển công nghiệp, đô thị, du lịch một cách hài hòa; tập trung thu hút đầu tư gắn với xây dựng các chính sách thông thoáng, ưu đãi hỗ trợ đầu tư phù hợp, nhất là phát triển dịch vụ logistics và vận tải biển. Cơ cấu lại ngành khai thác hải sản theo hướng giảm dần số tàu thuyền khai thác ven bờ, phát triển có kiểm soát tàu thuyền công suất lớn và đẩy mạnh hoạt động khai thác xa bờ. Phát huy vai trò lan tỏa của dải động lực phát triển ven biển đối với vùng trung du, miền núi phía Tây; phát triển kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái biển; gắn việc giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển đi cùng với xây dựng xã hội gắn kết, thân thiện với biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Phát triển mạng lưới đô thị; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông

Xây dựng chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, hướng tới xây dựng đô thị thông minh, hiện đại, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội cho các đô thị bảo đảm đồng bộ, hiện đại. Trong đó, tập trung phát triển 06 đô thị động lực gồm: (1) Phát triển thành phố Vinh mở rộng là đô thị trung tâm, đóng vai trò động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả tỉnh; trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của Vùng; định hướng phát triển đô thị gắn với công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ chất lượng cao; (2) Phát triển thị xã Thái Hòa trở thành đô thị động lực, trung tâm vùng phía Tây Bắc; định hướng phát triển đa ngành, lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch; (3) Phát triển thị xã Hoàng Mai gắn với huyện Quỳnh Lưu trở thành đô thị trung tâm vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ, cực tăng trưởng phía Bắc của tỉnh; định hướng phát triển đô thị công nghiệp, dịch vụ; (4) Xây dựng huyện Con Cuông theo hướng đô thị sinh thái, đóng vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tiểu vùng Tây Nam; định hướng phát triển trọng tâm về du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, y tế, giáo dục đào tạo; (5) Nâng cấp huyện Diễn Châu với chức năng đô thị nằm ở vị trí trung tâm vùng phía Đông của tỉnh, trọng tâm là phát triển thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái biển, văn hóa tâm linh; (6) Nâng cấp huyện Đô Lương, đóng vai trò là điểm kết nối giao thông Đông, Tây, Nam, Bắc liên kết giữa các huyện phía Tây với thành phố Vinh, Khu kinh tế Đông Nam và các huyện ven biển của tỉnh; tập trung phát triển các ngành dịch vụ, thương mại, chuỗi du lịch tâm linh gắn với du lịch sinh thái.

Ưu tiên và đa dạng nguồn lực đầu tư để xây dựng các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, có tính kết nối cao, lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là cảng biển nước sâu và cảng hàng không quốc tế Vinh. Phối hợp triển khai, hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn qua Nghệ An), đường ven biển, tuyến cao tốc Hà Nội - Vinh (đoạn qua Nghệ An); tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam (qua tỉnh Nghệ An)... Hoàn thành nâng cấp, mở rộng Khu bến cảng Cửa Lò, một số bến cảng của khu bến Đông Hội đáp ứng cho các tàu tổng hợp, container có tải trọng lớn từ 30.000 - 50.000 DWT và trên 50.000 DWT; nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Vinh đạt cấp 4E. Đầu tư đồng bộ, hiện đại, hoàn chỉnh các công trình thiết yếu trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp tập trung.

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông, hạ tầng số; hạ tầng cung cấp điện; nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước tập trung, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quan tâm huy động các nguồn lực, nhất là nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội, nhất là về hạ tầng giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, thương mại, văn hóa, thể thao, phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề, cơ sở trợ giúp xã hội và người có công.

5. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn lực tài nguyên, nhất là về đất đai, khoáng sản, tài nguyên biển và rừng. Kiểm soát chặt chẽ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng khoáng sản, tài nguyên nước phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; việc khai thác tài nguyên, khoáng sản phải bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và giữ gìn môi trường, cảnh quan. Tập trung xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt, xử lý dứt điểm các cơ sở ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; tăng cường bảo vệ chất lượng nguồn nước. Quản lý chặt chẽ việc phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, tái chế sản phẩm của các cơ sở sản xuất. Huy động nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước, xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp, đô thị, cơ sở y tế; thu hút đầu tư một số dự án xử lý chất thải. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường; giải quyết kịp thời, dứt điểm kiến nghị, phản ánh về tài nguyên và môi trường.

Chủ động thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai (như lũ ống, lũ quét, sạt lở núi, ngập lụt đô thị,...) thông qua nâng cao tính chống chịu và khả năng thích ứng với biến đổi

khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng; thực hiện giải pháp thông minh để thích ứng trong nông nghiệp, thủy sản và phát triển rừng. Bảo vệ nghiêm ngặt các khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

6. Phát triển toàn diện văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các ngành, nghề, cấp trình độ đào tạo; ưu tiên đầu tư phát triển các trường chất lượng cao, các ngành nghề trọng điểm; xây dựng một số cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Trở thành trung tâm đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp; có khả năng đáp ứng nguồn nhân lực cho hội nhập và phát triển. Thực hiện tái cơ cấu các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, đa ngành, đa nghề, chuẩn hóa, hiện đại và hội nhập; bảo đảm lộ trình phát triển: sáp nhập 3 trường: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An, Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Nghệ An thành Trường Đại học Nghệ An. Đến 2025, tái cơ cấu các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh thành Đại học Nghệ An, lấy nòng cốt là Trường Đại học Vinh. Đến năm 2030, phát triển theo hướng chuẩn hóa khu vực và quốc tế. Chủ động liên kết, hợp tác với các địa phương, đơn vị trong nước; tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển giáo dục và đào tạo, bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện, ưu tiên phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng Nghệ An thành trung tâm khoa học và công nghệ vùng Bắc Trung Bộ, trọng tâm là ứng dụng, chuyển giao các thành tựu khoa học - công nghệ và công nghệ cao. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo. Gắn nghiên cứu, ứng dụng với sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu sản phẩm Nghệ An. Phát triển các mô hình sản xuất, quản lý thông minh. Phấn đấu đến năm 2030, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ yếu đạt mức khá so với cả nước, công nghệ sản xuất các sản phẩm chủ yếu của tỉnh có tỷ lệ đổi mới công nghệ 35 - 38%.

Phát triển hệ thống y tế tỉnh Nghệ An từng bước hiện đại, đồng bộ, toàn diện từ tuyến tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, chất lượng và hiệu quả; bảo đảm phát triển cân đối, hợp lý, hài hòa giữa các loại hình theo phương châm lấy người bệnh làm trung tâm, tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Tập trung huy động nguồn lực để phát triển Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An thành bệnh viện hạng đặc biệt vào năm 2025 với quy mô 2.200 giường bệnh; đến năm 2030 xây dựng một số trung tâm chuyên sâu; phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) đạt hạng I và trở thành trung

tâm vùng Bắc Trung Bộ; mở rộng quy mô Bệnh viện Sản - Nhi đạt tiêu chuẩn là bệnh viện tuyến cuối chuyên khoa sản - nhi của khu vực Bắc Trung Bộ; hoàn thiện Bệnh viện Ung bướu cơ sở Nghi Liên với quy mô 1.300 giường bệnh, phát triển thành bệnh viện tuyến cuối về ung bướu, đến năm 2030 trở thành bệnh viện hạng đặc biệt và hình thành các trung tâm chuyên sâu; xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền thành Bệnh viện đa khoa Y Dược học cổ truyền quy mô 900 giường bệnh, trở thành tuyến cuối của vùng Bắc Trung Bộ; nâng cấp bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I; đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Tim mạch quy mô tối thiểu 300 giường và một số bệnh viện chuyên khoa khác. Phấn đấu đưa thành phố Vinh trở thành trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của khu vực Bắc Trung Bộ.

Đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích quốc gia đặc biệt; di tích lịch sử - văn hóa có giá trị tiêu biểu; di tích đã được xếp hạng trên địa bàn toàn tỉnh phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch; phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, Nghệ An đến với thế giới. Phát triển thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hoá phía Bắc của Vùng. Đầu tư và nâng cấp mạng lưới mạng lưới thiết chế văn hóa, thể dục thể thao.

Tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, lồng ghép có hiệu quả 3 chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; Xây dựng nông thôn mới; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo nhanh và bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nhất là các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo hỗ trợ những người yếu thế, nghèo khó trong xã hội. Chăm lo công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo đảm các chế độ cho người lao động, kịp thời, đúng quy định. Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội. Tăng cường công tác gia đình, người cao tuổi, người khuyết tật. Thực hiện hiệu quả chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ.

7. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Tiếp tục quán triệt, triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân và khu vực phòng thủ vững chắc. Nâng cao chất lượng xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện tốt các mục

tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, biển, đảo. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Từng bước đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm trong khu vực phòng thủ, nhất là tuyến biển, đảo, biên giới. Đổi mới, nâng cao chất lượng diễn tập các cấp sát với tình huống đặt ra. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Bảo đảm an ninh chính trị, không để hình thành các tổ chức, hội, nhóm mang màu sắc chính trị đối lập trên địa bàn, không để xảy ra hoạt động khủng bố, phá hoại, bạo loạn; giữ vững an ninh vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước; triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống. Đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tập trung làm giảm, làm sạch ma túy trên địa bàn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo bảo đảm đúng pháp luật, kịp thời, có hiệu quả ngay từ cơ sở, góp phần giữ vững ổn định an ninh, trật tự, không để phát sinh "điểm nóng".

Xây dựng Chiến lược hội nhập quốc tế tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; đổi mới tư duy và cách làm, năng động, sáng tạo, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại. Tiếp tục củng cố, phát huy quan hệ hữu nghị hợp tác với các địa phương và đối tác truyền thống, thúc đẩy mở rộng quan hệ với các đối tác tiềm năng theo hướng đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế; tranh thủ tối đa các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên để đưa sản phẩm của Nghệ An tham gia sâu vào chuỗi cung ứng quốc gia và quốc tế. Chủ động hội nhập văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, lao động, khoa học - công nghệ... Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của Nghệ An gắn với hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư, thương mại và du lịch.

8. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030, tạo sự chuyển biến rõ nét, thực chất về cải cách hành chính. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thông thoáng, minh bạch, thân thiện theo hướng cạnh tranh vượt trội để tạo sự đột phá phát triển. Hoàn thiện tổ

chức bộ máy các cấp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cải cách quản lý biên chế theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo. Chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn cao, bảo đảm phẩm chất, năng lực thi hành công vụ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ trên các lĩnh vực, trọng tâm là phát triển cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; phấn đấu luôn giữ vị trí thuộc nhóm 25 - 30 tỉnh, thành phố có chỉ số cao về chuyển đổi số. Đến năm 2030, hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và dịch vụ số đồng bộ 3 cấp; hoạt động giao dịch giữa các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp cơ bản được thực hiện trên nền tảng công nghệ số.

9. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân

Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 và Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 01/12/2021 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 21-KL/TW gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về nêu gương. Thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với nhân dân, nhất là cấp cơ sở. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức

chính trị - xã hội. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động này xây dựng, ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Trung ương theo quy định.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, tạo sự thống nhất nhận thức, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Chương trình hành động này phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị, bảo đảm lộ trình thời gian thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban xây dựng đảng, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này ở các cấp; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để b/c),
- Các ban, Văn phòng TW Đảng (để b/c),
- Các ban XD Đảng, UBKT, VP Tỉnh ủy,
- BCS đảng, đảng đoàn, sở, ban, ngành, MTTQ và tổ chức CT-XH cấp tỉnh,
- Huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Chánh, Phó CVP Tỉnh ủy,
- Phòng T.hợp VPTU (Thế),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Văn Thông